

Số: 27 /2021/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công,
dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau
trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2777/TT-SXD ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công văn số 3168/SXD-QLXD&HTKT ngày 05

tháng 10 năm 2021 và Công văn số 3447/SXD-QLXD&HTKT ngày 26 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trên địa bàn tỉnh.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về phân cấp thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2017.

2. Giao Sở Xây dựng tham mưu điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật sau khi các Bộ, ngành trung ương ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với nội dung vướng mắc (nếu có) của việc áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Đài PT - TH Bình Thuận;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, NCKSTTHC, KGVXNV, ĐTQH. Châu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Tuấn Phong

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2021/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trên địa bàn tỉnh. Những nội dung không phân cấp cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo thực hiện đúng pháp luật về xây dựng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư: Là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công: Là đơn vị được giao quản lý đầu tư công của địa phương; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân) cấp huyện, cấp xã.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư các chương trình, dự án sau đây:

Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh giao quyết định chủ trương đầu tư).

Dự án nhóm A, nhóm B do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho:

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có sử dụng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách do tỉnh quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư chương trình, dự án sau đây:

Chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư (trường hợp Ủy ban nhân dân cùng cấp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao quyết định chủ trương đầu tư);

Dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

d) Đối với các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Thẩm quyền quyết

định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này và đối với dự án sử dụng vốn khác, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư xây dựng hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án nhóm A, B, C trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện).

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

c) Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

Đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực thông tin liên lạc, điện tử, tin học, cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông về phần công nghệ thông tin;

Đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ, cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

d) Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

đ) Cơ quan có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án được phân công như sau:

Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

e) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công, tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; cụ thể:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Phòng có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, cụ thể:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với các dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP):

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với các dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với dự án quy mô lớn quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, cụ thể:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với các dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định đối với dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình:

1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công:

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

c) Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

2. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc dự án có quy mô từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, cụ thể:

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây

dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

3. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP):

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ thẩm định đối với công trình thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng, được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án có công trình cấp cao nhất là cấp II được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

b) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án có công trình từ cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành); tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 83a của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

5. Chủ đầu tư thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020, trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định đầu tư xây dựng.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức có liên quan để làm cơ sở phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Xây dựng để xác định và công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công theo quy định pháp luật.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư, ban quản lý dự án việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý.

b) Chủ trì tổ chức thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm A, B sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

c) Theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm C và các dự án còn lại sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

Điều 9. Về kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

1. Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

2. Đối với dự án nhóm B sử dụng vốn nhà nước thuộc ngân sách cấp tỉnh khi hoàn thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khuyến khích và cho phép chủ đầu tư chủ động quyết định việc thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình cơ quan thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán nếu thấy cần thiết và đủ điều kiện.

3. Đối với các dự án còn lại, trường hợp dự án có quy mô lớn, có tính chất phức tạp, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư dự án xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng

1. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng thực hiện theo Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở và Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và lựa chọn nhà thầu.

4. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng các công trình xây dựng chuyên ngành.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc dự án do mình quyết định đầu tư và dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quy định chuyên tiếp

1. Đối với các dự án đã có chủ trương đầu tư trước khi ban hành Quy định này, thực hiện các bước tiếp theo theo quy định này.

2. Đối với các dự án đã được thẩm định, phê duyệt trước khi ban hành Quy định này không phải tiến hành thẩm định, phê duyệt lại; các công việc tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm thực hiện đúng Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và Luật Đầu tư công, các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và Quy định này.

2. Giao Sở Xây dựng tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quyết định này, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có văn bản báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời xem xét, giải quyết./.